

Số: *151*/2025/TB-TUETECH

Thái Nguyên, ngày *17* tháng *3* năm 2025

**THÔNG BÁO
TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2025**

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 08 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 144/2022/QĐ-TUETECH ngày 02 tháng 03 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế- Công nghệ Thái Nguyên về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên,

Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2025 như sau:

1. Phương thức tuyển sinh và thời gian tuyển sinh:

- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.
- Thời gian xét tuyển: Đợt 1: tháng 06 năm 2025.
Đợt 2: tháng 11 năm 2025.

2. Hình thức đào tạo và thời gian đào tạo

- Hình thức đào tạo: Hình thức đào tạo vừa làm vừa học áp dụng cho chương trình đào tạo định hướng ứng dụng.
- Thời gian đào tạo: 24 tháng.

3. Ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh:

TT	Tên ngành đào tạo	Mã số	Chỉ tiêu
1	Kỹ thuật Cơ khí	8520103	23
2	Kỹ thuật Điện	8520201	20

4. Đối tượng và điều kiện dự tuyển:

- a) Người dự tuyển phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:
- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương) ngành phù hợp.
 - Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
 - Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.
 - Nộp hồ sơ, lệ phí đăng ký dự tuyển đầy đủ, đúng hạn theo thông báo tuyển sinh của trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên.
- b) Ngành phù hợp được nêu tại Mục a) là ngành đào tạo ở trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) trang bị cho người học nền tảng chuyên môn cần thiết để học tiếp chương trình đào tạo thạc sĩ của ngành tương ứng, được quy định cụ thể trong chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo thạc sĩ (theo phụ lục 1).
- c) Danh mục ngành phù hợp của từng chương trình đào tạo và quy định những trường hợp người dự tuyển phải hoàn thành học bổ sung kiến thức được thông báo công khai trên

thông tin điện tử của trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên.

5. Đối tượng và chính sách ưu tiên:

a) Đối tượng ưu tiên

Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển) ở Khu vực 1 theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành (căn cứ theo quyết định tiếp nhận/điều động, biệt phái công tác của cơ quan thẩm quyền); Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; Con liệt sĩ; Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động; Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở Khu vực 1 theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành; Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực do hậu quả của chất độc hóa học.

Người được ưu tiên cần nộp vào hồ sơ dự tuyển giấy tờ hợp lệ xác nhận thuộc đối tượng ưu tiên.

b) Mức ưu tiên

Người dự tuyển diện ưu tiên (kể cả thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng 1,0 điểm (thang điểm 10) vào kết quả môn tiếng Anh (nếu phải thi điều kiện ngoại ngữ đầu vào) và cộng 1,0 điểm (thang điểm 10) vào kết quả điểm môn Cơ sở.

6. Xét tuyển:

6.1. Điều kiện ngoại ngữ:

Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

b) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

c) Có Chứng nhận năng lực ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tại các cơ sở có thẩm quyền cấp (tham khảo phụ lục 2; phụ lục 3).

Văn bằng và bằng điểm đại học do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng tiếng Việt và nộp kèm theo văn bản xác nhận văn bằng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6.2. Môn xét tuyển:

Bao gồm môn Cơ sở và môn Chủ chốt:

TT	Ngành đào tạo	Môn xét tuyển	
		Môn Cơ sở	Môn Chủ chốt
1	Kỹ thuật cơ khí	Toán cao cấp 1	Sức bền vật liệu (hoặc tương đương)
2	Kỹ thuật điện	(hoặc tương đương)	Cơ sở kỹ thuật Điện (hoặc tương đương)

7. Tiêu chí và nguyên tắc xét tuyển

a) Tiêu chí xét tuyển

- Căn cứ vào điểm của 02 môn xét tuyển.

b) Nguyên tắc xét tuyển

b) Nguyên tắc xét tuyển

- Điểm xét tuyển là tổng điểm của các thành phần: điểm môn Cơ sở, điểm môn Chủ chốt, điểm thưởng và điểm ưu tiên (theo quy định tại Mục 6).
- Điểm của môn Cơ sở và môn Chủ chốt được quy đổi theo thang điểm 10 và phải đạt từ 5,0 điểm trở lên.
- Điểm thưởng được xét theo điểm trung bình tích lũy bậc đại học, cụ thể:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4	Điểm thưởng
1	Từ 9,0 đến 10	A+	Từ 3,6 đến 4,0	1,0
2	Từ 8,5 đến 8,9	A	Từ 3,2 đến 3,59	0,5

c) Điều kiện xét trúng tuyển:

Điểm xét tuyển là tổng điểm của môn Cơ sở, môn Chủ chốt và điểm thưởng, trong đó điểm môn Cơ sở và môn Chủ chốt phải đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

Điểm trúng tuyển được lấy từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu tuyển sinh.

8. Hồ sơ đăng ký dự tuyển, thời gian nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển, nơi nhận hồ sơ

- Hồ sơ đăng ký dự tuyển gồm:

- 8.1. Phiếu đăng ký dự tuyển (01 bản chính theo Mẫu số 1);
- 8.2. Sơ yếu lý lịch (01 bản chính theo Mẫu số 2; có đóng dấu giáp lai ảnh);
- 8.3. Bản sao Giấy khai sinh hoặc Căn cước công dân (01 bản sao có công chứng);
- 8.4. Bảng điểm Đại học/Phụ lục văn bằng (01 bản sao có công chứng);
- 8.5. Bằng tốt nghiệp Đại học (01 bản sao có công chứng);
- 8.6. Công văn của cơ quan cử đi dự thi (nếu có);
- 8.7. Hồ sơ xác nhận ưu tiên, nếu có (01 bản sao có công chứng);

- Thời gian nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển cụ thể như sau:

Đăng ký dự tuyển đợt 1 nhận hồ sơ: đến 20/06/2025.

Đăng ký dự tuyển đợt 2 nhận hồ sơ: đến 30/10/2025.

- Tham gia học bổ sung kiến thức (nếu có): Theo thông báo của Nhà trường.

- Địa điểm nộp hồ sơ:

+ Nộp trực tiếp tại Phòng Đào tạo, Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên; Quốc lộ 1B, P. Đồng Bầm, TP. Thái Nguyên;

+ Gửi theo đường bưu điện theo địa chỉ: Phòng Đào tạo, Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên, Phường Đồng Bầm, Thành phố Thái Nguyên. ĐT: 0336.931.232

+ Đăng ký trực tuyến qua trang tuyển sinh của trường (sau đó gửi hồ sơ theo địa chỉ trên): <http://tuyensinhht.tuotech.edu.vn>

9. Thời gian xét tuyển

- + Đợt 1: Dự kiến trước ngày 05/7/2025;
- + Đợt 2: Dự kiến trước ngày 10/11/2025;

10. Thời gian công bố kết quả tuyển sinh và dự kiến nhập học

10.1. Thời gian công bố kết quả tuyển sinh (Dự kiến)

- + Đợt 1: Trước ngày 10/7/2025
- + Đợt 2: Trước ngày 25/11/2025;

10.2. Nhập học và khai giảng

Kế hoạch cụ thể sẽ thông báo sau khi có kết quả trúng tuyển.

11. Học phí và lệ phí xét tuyển

Học phí thông báo hàng năm và mức thu tăng giảm học phí được công bố công khai trên website của Nhà trường.

Học phí toàn khóa: 45.000.000 VNĐ

Lệ phí đăng ký dự tuyển: 500.000 VNĐ/hồ sơ

12. Thông tin liên hệ

ThS. Vũ Đình Trung – SĐT: 0912.663.443; ThS. Lê Đình Mạnh – SĐT: 0966.42.5588

Thông tin tuyển sinh được đăng tải tại: <http://tuotech.edu.vn>

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- HĐT; BGH (để báo cáo);
- Website trường;
- Lưu VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS. Nguyễn Đăng Bình



PHỤ LỤC 1

DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN

(Ban hành kèm theo Thông báo số 151/2025/TB-TUETECH ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên)

TT	Ngành đào tạo	Ngành đúng	Ngành phù hợp	Ngành gần
1	Kỹ thuật cơ khí (8520103)	Kỹ thuật cơ khí; Cơ khí Chế tạo máy; Công nghệ Kỹ thuật cơ khí; Công nghệ Chế tạo máy.	Kỹ thuật Cơ điện tử; Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử; Kỹ thuật Cơ khí động lực; Cơ kỹ thuật; Gia công áp lực; Công nghệ Kỹ thuật cơ điện tử; Công nghệ Cơ điện tử.	Kỹ thuật ô tô; Công nghệ kỹ thuật ô tô; Bảo dưỡng công nghiệp; Công nghệ kỹ thuật khuôn mẫu; Cơ kỹ thuật; Kỹ thuật nhiệt; Kỹ thuật cơ khí động lực; Kỹ thuật hệ thống công nghiệp; Kỹ thuật hàng không; Kỹ thuật tàu thủy; Kỹ thuật Công nghiệp; Kỹ thuật không gian; SPKT Cơ khí; Công nghệ kỹ thuật tàu thủy; Kỹ thuật vật liệu (chuyên ngành/hướng chuyên sâu: Cơ học biến dạng và cán kim loại); Kỹ thuật in.
2	Kỹ thuật điện (8520201)	Kỹ thuật Điện; Công nghệ kỹ thuật Điện – Điện tử; Nhóm ngành Hệ thống điện, Thiết bị điện.	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông; Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa; Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử; Kỹ thuật điện tử - Viễn thông.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kỹ thuật Cơ điện tử; Kỹ thuật viễn thông; SPKT Điện; Quản lý Năng lượng; Kỹ thuật Y sinh...

PHỤ LỤC 2

Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 và Bậc 4
Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ
(Kèm theo Thông tư số: 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục
và Đào tạo)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ / Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0-5.0	5.5-6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ - 1	ТРКИ-2

PHỤ LỤC 3
DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ CẤP CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ THEO
KHUNG NĂNG LỰC 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

TT	Tên đơn vị
1	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
2	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
3	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội
4	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng
5	Đại học Thái Nguyên
6	Trường Đại học Cần Thơ
7	Trường Đại học Hà Nội
8	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
9	Trường Đại học Vinh
10	Trường Đại học Sài Gòn
11	Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh
12	Trường Đại học Trà Vinh
13	Trường Đại học Văn Lang
14	Trường Đại học Quy Nhơn
15	Trường Đại học Tây Nguyên
16	Học viện An ninh nhân dân
17	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
18	Trường Đại học Công thương Thành phố Hồ Chí Minh
19	Trường Đại học Thương mại
20	Học viện Khoa học quân sự
21	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh
22	Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
23	Học viện Cảnh sát nhân dân
24	Đại học Bách Khoa Hà Nội

25	Trường Đại học Nam Cần Thơ
26	Trường Đại học Ngoại thương
27	Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh
28	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
29	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
30	Trường Đại học Lạc Hồng

))